TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HS-ST
Ngày 20-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Hòa.
2. Bà Trần Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 20-11-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2017/TLST-HS ngày 05-10-2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/HSST-QĐ ngày 07-11-2017 đối với bị cáo:

Đoàn Xuân T, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKTT: thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đoàn Quang Q và bà M Thị B; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Chưa; Tiền án: Ngày 22-8-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo bắt tạm giữ ngày 21-6-2017 và tạm giam ngày 24-6-2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Bị hại: Trường Đại học S.

Người đại diện của bị hại: Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1977 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Hành chính – Quản trị, Trường Đại học S;

Địa chỉ: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Quang A, sinh năm 1982.
2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984.

Anh A, chị M đều trú tại địa chỉ: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt)

NHẬN THẤY

Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Đoàn Xuân T về hành vi phạm tội như sau: Đoàn Xuân T là sinh viên của trường Đại học S. Quá trình học, T biết tại phòng học A5-101 và A5-102 của trường học có gắn máy chiếu phục vụ cho việc học tập của sinh viên nên T nảy sinh ý định trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 09 giờ ngày 20/6/2017, T mượn một chiếc cưa bằng kim loại của chị Nguyễn Thị M ở thôn Y, xã D, huyện K rồi về phòng trọ của mình cho chiếc cưa vào ba lô đi bộ đến phòng học A5-101 (chị M không biết T dùng chiếc cưa để trộm cắp tài sản). Quan sát xung quanh không có người, phòng A5-101 lúc này không khóa cửa, T đi vào rồi dùng chiếc cưa mang theo cưa đứt tai chiếc khóa của khung làm bằng kim loại bên trong để chiếc máy chiếu nhãn hiệu Sony màu đen, model VPL-CX125 trị giá 3.234.000 đồng rồi lấy chiếc máy chiếu và chiếc khóa cho vào ba lô. Sau đó T tiếp tục sang phòng A5- 102 thấy cửa phòng không khóa nên đi vào trong dùng chiếc cưa mang theo cưa đứt tai chiếc khóa của khung làm bằng kim loại rồi cho chiếc máy chiếu nhãn hiệu Mitsubishi màu trắng, model VLT-XD560LP trị giá 2.833.000 đồng cùng chiếc khóa cho vào ba lô mang về phòng trọ cất giấu. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T mang hai chiếc máy chiếu đến bán cho anh Đặng Quang A ở thôn Y, xã D. Anh A không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên đã mua với giá 5.000.000đ. Số tiền bán máy chiếu T đã tiêu sài hết 1.300.000 đồng. Cùng ngày, trường Đại học S đã có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu. Cũng trong ngày anh Đặng Quang A đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra hai chiếc máy chiếu nói trên.

Ngày 21/6/2017, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Xuân T thu giữ 01 chiếc ba lô vải màu xanh và 02 chiếc khóa Việt Tiệp có thân khóa màu đen, móc khóa màu trắng đã bị cưa đứt. Ngoài ra T còn tự nguyện giao nộp 3.700.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Cùng ngày chị Nguyễn Thị M đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc cưa bằng kim loại, tay cầm có kích thước 10 cm x 3cm, lưỡi cưa dài 30cm.

Ngày 20/7/2017, Cơ quan điều tra đã trao trả hai chiếc máy chiếu cho trường Đại học S, đại diện của trường là ông Nguyễn Xuân C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với hai chiếc khóa đã bị hư hỏng, nhưng do giá trị tài sản thấp nên đại diện của trường cũng không đề nghị T phải bồi thường. Anh Đặng Quang A yêu cầu T phải bồi thường cho anh số tiền 5.000.000đồng.

Quá trình điều tra, Đoàn Xuân T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Bản cáo trạng số 77/QĐ-VKS-HS ngày 05-10-2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố Đoàn Xuân T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đoàn Xuân T khai báo thành khẩn diễn biến hành vi, động cơ, mục đích phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đoàn Xuân T về tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g (tình tiết "tái phạm") khoản 1 Điều 48; Điều 33; khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 60; khoản 1 Điều 42; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm a, b,đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Xử phạt Đoàn Xuân T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; tổng hợp hình phạt với bản án số 45/2016/HSST ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, buộc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, được trừ đi thời gian T bị bắt tạm giữ (từ ngày 25/3/2016 đến ngày 30/3/2016). Về dân sự: Buộc T phải trả lại cho anh Đặng Quang A số tiền là 5.000.000đ, trả lại cho anh Đặng Quang A số tiền 3.700.000đ T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra nên T còn phải trả cho anh A Số tiền là 1.300.000đ. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 02 ổ khóa Việt Tiệp loại khóa móc, 01 chiếc ba lô vải màu xanh và 01 chiếc cưa bằng kim loại; Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, Đoàn Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của đại diện bị hại (ông N), lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh A, chị M) và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ ngày 20/6/2017 tại thôn Y, xã D, huyện K, Đoàn Xuân T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy chiếu nhãn hiệu Sony màu đen, model VPL-CX125 và 01 chiếc máy chiếu nhãn hiệu Mitsubishi màu trắng, model VLT-XD560LP của

trường Đại học S. Tổng giá trị tài sản T đã chiếm đoạt là: 6.067.000 đồng. Do đó, bị cáo Đoàn Xuân T đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Đoàn Xuân T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 77/QĐ-VKS-HS ngày 05-10-2017 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện việc bị cáo đã từng bị kết án nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 22-8-2016, T bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", đến nay chưa được xóa án tích nên cần áp dụng điểm g (tình tiết tái phạm) khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nên cần có mức hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng phòng, chống tội phạm. Do Đoàn Xuân T phạm tội mới trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án; Thời gian T bị tạm giữ từ ngày 25/3/2016 đến ngày 30/3/2016 sẽ được trừ đi khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là sinh viên, không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: - Tài sản do T trộm cắp là 02 chiếc máy chiếu, Cơ quan điều tra đã thu và trả lại cho bị hại, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo

phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét. Đối với hai chiếc khóa đã bị hư hỏng, giá trị thấp và người đại diện bị hại cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

- Đối với số tiền 5.000.000đ, anh Đặng Quang A đã bỏ ra để mua hai chiếc máy chiếu của T, anh A không có lỗi vì không biết đó là tài sản do T trộm cắp, do đó cần buộc T phải trả lại cho anh Đặng Quang A, sinh năm 1982 ở thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền là 5.000.000đ, đối trừ số tiền 3.700.000đ T đã tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra nên T còn phải trả cho anh A số tiền là 1.300.000đ (Số tiền 3.700.000đ đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9004070.00000 ngày 11/9/2017 tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu của Công an huyện Khoái Châu).

Cần áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất khi bị cáo chậm trả tiền cho anh A.

Về vật chứng: - Tịch thu cho tiêu hủy 02 ổ khóa Việt Tiệp loại khóa móc, 01 chiếc ba lô vải màu xanh;

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB sao chép từ Camera của cửa hàng anh Đặng Quang A;

- Đối với chiếc cưa bằng bằng loại đã thu giữ trong vụ án, xác định là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984 ở thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên, khi cho T mượn chị M không biết T dùng làm công cụ phạm tội. Quá trình điều tra, chị M xác định chiếc cưa đã cũ, giá trị không lớn, chị M không yêu cầu lấy lại chiếc cưa nên tịch thu cho tiêu hủy.

(Tình trạng, đặc điểm, số lượng, chủng loại như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/11/2017 giữa Công an huyện Khoái Châu với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu)

Về án phí: Bị cáo Đoàn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Đoàn Xuân T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g (tình tiết "Tái phạm") khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 60; Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Đoàn Xuân T 01 (một) năm tù, tổng hợp hình phạt với bản án số 45/2016/HSST ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, buộc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 09 tháng tù, được trừ đi thời gian T bị bắt tạm giữ (từ ngày 25/3/2016 đến ngày 30/3/2016); thời hạn tù tính từ ngày 21-6-2017.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Đoàn Xuân T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Buộc T phải trả lại cho anh Đặng Quang A, sinh năm 1982 ở thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền là 5.000.000đ, được đối trừ với số tiền 3.700.000đ T đã tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra nên T còn phải trả cho anh A số tiền là 1.300.000đ (Số tiền 3.700.000đ đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9004070.00000 ngày 11/9/2017 tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu của Công an huyện Khoái Châu).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b,đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy 02 ổ khóa Việt Tiệp loại khóa móc, 01 chiếc ba lô vải màu xanh Trả lại cho chị Nguyễn Thị M 01 chiếc cưa bằng kim loại.

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB sao chép từ Camera của cửa hàng anh Đặng Quang A.

(Tình trạng, đặc điểm, số lượng, chủng loại như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/11/2017 giữa Công an huyện Khoái Châu với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Đoàn Xuân T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí trách nhiệm dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân T Hưng Yên;
- Viện kiểm sát, Công an huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND các xã: D, Quảng Hải;
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn